

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM
Số: 79/2018/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Hà, ngày 31 tháng 7 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ việc dân sự sơ thẩm số 90/2018/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, giữa : Người yêu cầu: Chị Võ Thị H và anh Nguyễn B. Địa chỉ: Cùng trú tại: Thôn 7, xã W, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81,82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2018.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Võ Thị H và anh Nguyễn B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Võ Thị H và anh Nguyễn B xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Hai đương sự tự nguyện thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Hai vợ chồng xác nhận có 03 con chung và thỏa thuận như sau:

Giao cháu 03 cháu là Nguyễn Thị Kiều Tr, sinh ngày 18/02/2002, cháu Nguyễn Thị Kiều S, sinh ngày 02/10/2003 và cháu Nguyễn Duy Tr, sinh ngày 27/10/2009 cho chị Võ Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn B cấp dưỡng tiền nuôi con chung một tháng 3.000.000 đồng cho 03 cháu. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2018 cho đến khi 03 cháu đủ 18 tuổi.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Nguyễn B có quyền , nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả tiền, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh

do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- **Về tài sản chung và công nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về lệ phí giải quyết việc dân sự:** Áp dụng Điều 144, khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) các đương sự phải chịu. Anh Nguyễn B thỏa thuận chịu toàn bộ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự mà anh Nguyễn B đã nộp theo biên lai số AA/2010/0009409 ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum. Anh Nguyễn B đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc Wang;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hường